

Bản án số: 90/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 10-02-2022

Về việc tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Viết Bình

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hòa Bình;

2. Bà Nguyễn Thị Xuân Trinh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thơm – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Châu - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 02 năm 2022, tại phòng Xử án Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 41/2021/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 01 năm 2021 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 184/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2022/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kim D, sinh năm 1984;

Địa chỉ: Phường B, Quận A, Thành phố H (xin vắng mặt).

Bị đơn: Ông Nguyễn Ngọc V, sinh năm 1983;

Địa chỉ: Phường H, Quận B, Thành phố H (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim D trình bày và yêu cầu Tòa án giải quyết:

Bà và ông Nguyễn Ngọc V qua thời gian tìm hiểu thì cả hai tự nguyện tiến tới hôn nhân và đăng ký kết hôn vào năm 2004 theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 157, quyển số 01/2004 đăng ký ngày 16 tháng 12 năm 2004 tại Ủy ban nhân dân Phường 8, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông V không lo làm ăn, không quan tâm đến cuộc sống gia đình. Sau nhiều lần vợ chồng hòa giải, ông V vẫn không thay đổi, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn được.

Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Bà yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Ngọc V.

Về con chung: Bà và ông V có 02 (hai) con chung, họ tên: Nguyễn Thị Ngọc K, sinh ngày 13/6/2003 (đã trưởng thành) và Nguyễn Ngọc Thành Đ, sinh ngày 05/10/2009.

Sau khi ly hôn, bà D yêu cầu được trực tiếp nuôi trẻ Nguyễn Ngọc Thành Đ, bà không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà xác nhận không có.

Bà cam kết việc ly hôn không nhằm trốn tránh nghĩa vụ nào và bà chỉ nộp đơn ly hôn tại Tòa án nhân dân Quận 7.

Bà Nguyễn Thị Kim D có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Về phía bị đơn ông Nguyễn Ngọc V, trong suốt quá trình giải quyết vụ án, đã được Tòa án tiến hành triệu tập và tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng như: Thông báo thụ lý, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông V vẫn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và vắng mặt tại phiên tòa xét xử sơ thẩm không có lý do, không có văn bản, ý kiến phản hồi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định về thẩm quyền thụ lý; về xác định tư cách tham gia tố tụng; xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ; trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý; về thời hạn chuẩn bị xét xử chưa đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật, bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định.

Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Thị Kim D yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Ngọc V nên đây là tranh chấp ly hôn được quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; bị đơn ông Nguyễn Ngọc V cư trú tại Quận 7 nên theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 7.

[2] Nguyên đơn Nguyễn Thị Kim D có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Nguyễn Ngọc V đã được Tòa án tiến hành triệu tập và tổng đạt hợp lệ các Thông báo thụ lý, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do và không có ý kiến phản hồi. Hội đồng xét xử quyết định xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Căn cứ Khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì ông Nguyễn Ngọc V đã tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình qua việc không đến Tòa tham gia tố tụng nên ông V phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án giải quyết vụ việc theo những chứng cứ có trong hồ sơ.

[4] Về các yêu cầu của đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

[4.1] Bà Nguyễn Thị Kim D và ông Nguyễn Ngọc V tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn (Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 157, quyền số 01/2004 đăng ký ngày 16 tháng 12 năm 2004 tại Ủy ban nhân dân Phường 8, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh) nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp; vì vậy được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[4.2] Về quan hệ hôn nhân: Qua các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cùng lời trình bày của đương sự cho thấy quan hệ hôn nhân của bà D và ông V chỉ ràng buộc về mặt pháp lý, cả hai không còn tình cảm với nhau, không có khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ theo Khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, yêu cầu ly hôn của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim D là có cơ sở, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4.3] Về con chung: Căn cứ Giấy khai sinh số 103, quyền số 01 đăng ký ngày 26/6/2003 tại Ủy ban nhân dân xã Tịnh Thới, thị xã Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp và Giấy khai sinh số 227, quyền số 01/2009 đăng ký ngày 21/10/2009 tại Ủy ban nhân dân Phường 8, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh cùng với lời trình bày của đương sự đủ cơ sở để khẳng định bà D và ông V có 02 (hai) con chung: Nguyễn Thị Ngọc Kim, sinh ngày 13/6/2003 (đã trưởng thành) và Nguyễn Ngọc Thành Đ, sinh ngày 05/10/2009.

Tại Khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “*Vợ chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ 7 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con*”.

Tại bản tự khai ngày 29 tháng 04 năm 2020, trẻ Nguyễn Ngọc Thành Đ có nguyện vọng được sống chung với mẹ.

Hội đồng xét xử xét thấy, theo lời trình bày của bà D thì hiện trẻ Nguyễn Ngọc Thành Đ đang sống với bà D, bà là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung; trẻ Nguyễn Ngọc Thành Đ cũng có nguyện vọng muốn sống với mẹ nên yêu cầu được nuôi con chung của bà D là có cơ sở để chấp nhận. Do đó, Hội đồng xét xử giao con chung cho bà Nguyễn Thị Kim D trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

[4.4] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Nguyễn Thị Kim D tự nguyện không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4.5] Về tài sản chung: Bà D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[4.6] Về nợ chung: Bà D xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Kim D phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 227; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các điều 51, 56, 57, 58, 59, 81, 82, 83, 84, 116 và 118 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Luật Phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ vào Luật Thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Kim D được ly hôn với ông Nguyễn Ngọc V (Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 157, quyền số 01/2004 đăng ký ngày 16 tháng 12 năm 2004 tại Ủy ban nhân dân Phường 8, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh).

1.2. Về con chung: Bà Nguyễn Thị Kim D và ông Nguyễn Ngọc V có 02 (hai) con chung: Nguyễn Thị Ngọc Kim, sinh ngày 13/6/2003 (đã trưởng thành) và Nguyễn Ngọc Thành Đ, sinh ngày 05/10/2009.

Sau khi ly hôn, giao trẻ Nguyễn Ngọc Thành Đ cho bà Nguyễn Thị Kim D được trực tiếp nuôi dưỡng, ông Nguyễn Ngọc V không cấp dưỡng nuôi con.

Ông Nguyễn Ngọc V có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích con chung, khi cần thiết các

đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con chung hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

1.3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.4. Về nợ chung: Không có.

2. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm bà Nguyễn Thị Kim D phải chịu là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0044026 ngày 04/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Nguyễn Thị Kim D đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

4. Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Kim D và ông Nguyễn Ngọc V có quyền kháng cáo đến Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được thông báo chấp hành.

Nơi nhận:

- TAND Tp. HCM;
- VKSND Quận 7;
- Chi cục THADS Quận 7;
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ (Thơm).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Bùi Viết Bình